

Số: 53 /QĐ-CDYT

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ- UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019 – 2020" của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng, bộ môn thuộc Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- UBND TP Hà Nội
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TT.



Nguyễn Đăng Trường

QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NHÀ GIÁO

(Ban hành kèm theo Quyết định số **53** /QĐ-CĐYT ngày **23** tháng **3** năm **2020**
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Hà Đông)

Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ- UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ - UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội;

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông ban hành Quy định đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019 – 2020 như sau:

CHƯƠNG 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

- Đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Lao động TB&XH ban hành, phản ánh đúng năng lực dạy học và giáo dục của nhà giáo được thực hiện định kỳ theo năm học.

- Giúp cho nhà giáo tự đánh giá đúng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để chủ động lập kế hoạch tự bồi dưỡng hoặc tham dự các lớp đào tạo đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn theo qui định.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý viên chức trong việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ nhà giáo để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Điều 2. Yêu cầu

- Đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo tính trung thực, khách quan, toàn diện, khoa học, dân chủ và công bằng.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ tiến hành cụ thể, chi tiết theo đúng qui định.

- Kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ phải gắn với việc bố trí, sử dụng nhà giáo phù hợp với năng lực, trình độ và yêu cầu về vị trí việc làm.

Điều 3. Đối tượng

Bao gồm các nhà giáo trong biên chế, hợp đồng của trường Cao đẳng Y tế Hà Đông đã tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng.

CHƯƠNG 2 CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

Điều 4. Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp dạy trình độ cao đẳng như sau: (chi tiết theo Phụ lục 1)

- Tiêu chí 1: Năng lực chuyên môn (gồm các tiêu chuẩn: Trình độ chuyên môn; Trình độ ngoại ngữ; Trình độ tin học).

- Tiêu chí 2: Năng lực sư phạm (gồm các tiêu chuẩn: Thực hiện hoạt động giảng dạy; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; Quản lý hồ sơ dạy học; Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục; Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập; Hoạt động xã hội).

- Tiêu chí 3: Năng lực phát triển nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học (gồm các tiêu chuẩn: Học tập, bồi dưỡng nâng cao; phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học; Nghiên cứu khoa học).

Điều 5. Đánh giá và cách tính điểm đánh giá quy đổi

- Điểm đánh giá tối đa của mỗi chỉ số là 2,0 điểm. Hiệu trưởng quyết định việc cho điểm chi tiết theo mức độ của từng chỉ số.

- Điểm đánh giá tối đa của tiêu chuẩn là tổng số điểm đánh giá tối đa của các chỉ số có trong tiêu chuẩn.

- Tổng số điểm đánh giá tối đa của nhà giáo là tổng số điểm đánh giá tối đa của các tiêu chuẩn đối với từng nhà giáo. Tổng số điểm đánh giá tối đa đối với nhà giáo dạy lý thuyết hoặc thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng là 84,0 điểm. Tổng số điểm đánh giá tối đa đối với nhà giáo dạy tích hợp trình độ trung cấp, cao đẳng là 88,0 điểm

- Công thức tính điểm đánh giá quy đổi:

$$\text{Điểm quy đổi (lấy phần nguyên)} = \frac{\text{Tổng số điểm đánh giá đạt được} * 100}{\text{Tổng số điểm đánh giá tối đa}}$$

Điều 6. Xếp loại nhà giáo

Nhà giáo tham gia giảng dạy nhiều cấp trình độ đào tạo thì được đánh giá, xếp loại theo chuẩn của nhà giáo giảng dạy ở trình độ cao nhất.

Xếp loại nhà giáo được phân ra 2 loại: Không đạt chuẩn và Đạt chuẩn.

1. Nhà giáo không đạt chuẩn

Nhà giáo không đạt chuẩn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Điểm quy đổi dưới 50 điểm.

b) Điểm quy đổi từ 50 điểm trở lên nhưng điểm đánh giá của một trong các tiêu chuẩn đạt dưới 50% điểm đánh giá tối đa.

c) Điểm quy đổi từ 50 điểm trở lên nhưng điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1 hoặc điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2 không đạt điểm đánh giá tối đa.

2. Nhà giáo đạt chuẩn

a) Nhà giáo đạt chuẩn loại A: Điểm quy đổi đạt từ 80 điểm trở lên và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá

của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1 và điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa.

b) Nhà giáo đạt chuẩn loại B: Điểm quy đổi đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1 và điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa.

c) Nhà giáo đạt chuẩn loại C: Điểm quy đổi đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1 và điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa.

Điều 7. Quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo

Bước 1: Nhà giáo tự đánh giá, xếp loại (theo mẫu Phụ lục 01A)

Bước 2: Tổ, bộ môn tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo (theo mẫu 01B): tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của tổ, bộ môn (theo mẫu 02).

Bước 3: Hiệu trưởng tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo (theo mẫu 03)

Bước 4: Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học (theo mẫu 04).

***Một số lưu ý khi đánh giá:**

- Trường hợp giảng viên dạy thực hành, tích hợp chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề không trừ điểm (đến hết năm 2021).

- Trong năm học, chỉ số đánh giá nào giảng viên không thực hiện, đánh giá 0 điểm.

Điều 8. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo sau đánh giá, xếp loại hàng năm

Các Bộ môn chủ động lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhà giáo sau đánh giá, xếp loại hàng năm. Cụ thể quy định như sau:

- Đối với nhà giáo đạt chuẩn loại A và loại B: Đào tạo để đạt trình độ cao hơn, đối với nam < 55 tuổi; nữ < 50 tuổi.

Bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên đối với những nhà giáo quá tuổi quy định trên theo yêu cầu của Bộ môn để giữ vững ở mức đánh giá, xếp loại cao.

- Đối với nhà giáo đạt chuẩn loại C: Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đạt mức đánh giá, xếp loại cao hơn đối với nam < 55 tuổi; nữ < 50 tuổi.

- Đối với nhà giáo không đạt chuẩn: Nhà giáo bị xếp loại không đạt chuẩn theo đánh giá, xếp loại do có điểm đánh giá ở các tiêu chuẩn, tiêu chí không đạt yêu cầu theo quy định thì Bộ môn không bố trí giảng dạy; tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đề nghị bố trí công việc phù hợp.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Quy định thời gian tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm

Đánh giá, xếp loại nhà giáo được thực hiện theo năm học. Có kế hoạch cụ thể hàng năm.

2. Tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng các cấp

2.1. Cấp bộ môn:

Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm do Khoa/bộ môn đề xuất và Hiệu trưởng quyết định. Số lượng từ 3- 5 người, gồm: Chủ tịch là Trưởng bộ môn; Thư ký và các ủy viên tham gia hội đồng là một số nhà giáo có uy tín

chuyên môn, có trình độ đạt chuẩn theo quy định, có kinh nghiệm và thành tích trong giảng dạy, NCKH, có thâm niên giảng dạy trên 5 năm trở lên.

Nhiệm vụ: Chủ động xây dựng kế hoạch và đơn đốc tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm ở cấp bộ môn quản lý theo đúng Hướng dẫn và quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan và chính xác.

Tổng hợp và báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm về Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm của trường thông qua phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng giáo dục theo đúng mẫu biểu và thời gian quy định.

2.2. Cấp trường:

Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo do Hiệu trưởng quyết định (Quyết định thành lập Hội đồng 1 lần và có bổ sung hàng năm nếu cần), gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo; Thư ký là Trưởng phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng giáo dục; Các ủy viên là Trưởng phòng đào tạo và một số Trưởng phòng, các Trưởng Bộ môn hoặc nhà giáo có trình độ đạt chuẩn theo quy định, có uy tín, có kinh nghiệm và thành tích trong giảng dạy, NCKH, có thâm niên giảng dạy từ 5 năm trở lên.

Nhiệm vụ Hội đồng cấp trường: Tổ chức xét và công nhận kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm do Hội đồng cấp bộ môn báo cáo lên, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác.

3. Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng giáo dục: Soạn thảo, trình phê duyệt ban hành các quyết định thành lập hội đồng các cấp; ban hành các biểu mẫu đánh giá, mẫu biên bản, mẫu báo cáo... thống nhất dùng chung cho hội đồng đánh giá các cấp trong trường. Thường trực và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đánh giá, xếp loại nhà giáo

4. Phòng Tổ chức cán bộ: Lưu trữ hồ sơ, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhà giáo hàng năm của các bộ môn.

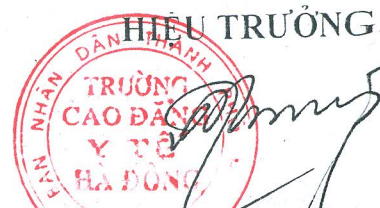
5. Các Bộ môn: Căn cứ Hướng dẫn, Kế hoạch và Quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo, các Bộ môn có trách nhiệm phổ biến tới toàn thể nhà giáo do Bộ môn quản lý chuyên môn và chủ động tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng trình tự, nội dung, thời gian quy định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy định này gồm 3 chương, 10 điều và được thực hiện từ năm học 2019 - 2020. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc góp ý các đơn vị phản ánh về phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục đề tổng hợp, báo cáo và bổ sung, hoàn thiện kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu TT, VT.



Nguyễn Đăng Trường

PHỤ LỤC SỐ 1A. QUY ĐỊNH CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

*(Kèm theo Quyết định 53 /QĐ-CDYT ngày 23 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Hà Đông)*

Họ tên giảng viên:

Bộ môn:

CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ SỐ	Điểm đánh giá	Điểm đánh giá tối đa	Điểm cá nhân tự đánh giá
TIÊU CHÍ 1: NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN		16-20	
Tiêu chuẩn 1: Trình độ chuyên môn			
A. Đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết		8,0	
1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy - Có - Không có	2,0 0,0	2,0	
2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ KHKT, Công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là không đạt yêu cầu.	2,0 1,0 0,0	2,0	
B. Đối với nhà giáo giảng dạy thực hành		8,0	
1. Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017. - Có - Không có	2,0 0,0	2,0	
2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá - Được đánh giá Đạt yêu cầu - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	2,0 1,0	2,0	

CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ SỐ

	0,0		
4. Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá - Được đánh giá là Đạt yêu cầu - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
C. Đối với nhà giáo giảng dạy tích hợp		12,0	
1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017. - Có - Không có	2,0 0,0	2,0	
2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	2,0 1,0 0,0	2,0	
4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ KHKT-CN mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
5. Thực hiện thành thạo các kỹ năng ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá - Được đánh giá là Trung bình - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
6. Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ liên quan tới ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá - Được đánh giá là Đạt yêu cầu - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 2. Trình độ ngoại ngữ		4,0	
1. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam hoặc tương đương trở lên. - Có chứng chỉ - Không có chứng chỉ	2,0 0,0	2,0	
2. Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy; mô tả được một số công việc cơ bản của ngành, nghề được phân công giảng dạy . - Có sử dụng - Không sử dụng	2,0 0,0	2,0	

Tiêu chuẩn 3. Trình độ tin học		4,0	
1. Có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương trở lên. - Có chứng chỉ - Không có chứng chỉ	2,0 0,0	2.0	
2.Sử dụng thành thạo phần mềm dạy học chuyên ngành để thiết kế bài giảng , tài liệu giảng dạy - Sử dụng thành thạo, đạt hiệu quả cao - Có sử dụng - Không sử dụng	2,0 1,0 0,0	2.0	
TIÊU CHÍ 2: NĂNG LỰC SỰ PHẠM		52,0	
Tiêu chuẩn 1. Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy		4,0	
1. Chứng chỉ sư phạm dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm. - Có chứng chỉ - Không có chứng chỉ	2,0 0,0	2.0	
2.Thời gian tham gia giảng ít nhất 12 tháng	2,0	2.0	
Tiêu chuẩn 2. Chuẩn bị hoạt động giảng dạy		12,0	
1. Lập được kế hoạch giảng dạy môn học, mô-đun được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học - Lập kế hoạch đầy đủ - Có lập kế hoạch nhưng chưa đầy đủ - Không lập kế hoạch	2,0 1,0 0,0	2.0	
2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học - Soạn giáo án đầy đủ, đúng quy định - Soạn giáo án nhưng chưa đầy đủ và kịp thời - Soạn giáo án không đúng quy định	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy - Được đánh giá phù hợp từ 75% - 100% - Được đánh giá phù hợp từ 50% - < 75% - Được đánh giá phù hợp <50%	2,0 1,0 0,0	2.0	
4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học - Chuẩn bị đầy đủ - Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ - Không chuẩn bị	2,0 1,0 0,0	2.0	
5. Chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết - Chuẩn bị đầy đủ - Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ	2,0 1,0	2,0	

- Không chuẩn bị	0,0		
6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy.		2,0	
- Chủ trì thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp.	2,0		
- Tham gia bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp.	1,0		
- Không tham gia	0,0		
Tiêu chuẩn 3. Thực hiện hoạt động giảng dạy		8,0	
1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học		4,0	
1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy		2,0	
- Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá tốt kết quả học tập của người học	2,0		
- Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá ở mức khá, trung bình kết quả học tập của người học	1,0		
- Lựa chọn và thiết kế không phù hợp	0,0		
2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng được kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học		2,0	
- Được đánh giá là khá, tốt.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		

Tiêu chuẩn 5. Quản lý hồ sơ dạy học		4,0	
1. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học. - Thực hiện đúng và đầy đủ - Có thực hiện - Không thực hiện	2,0 1,0 0,0	2,0	
2. Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định. - Thực hiện đúng và đầy đủ - Có thực hiện - Không thực hiện	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 6. Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy		4,0	
1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo theo các quy định hiện hành. - Đạt yêu cầu - Không đạt yêu cầu	2,0 0,0	2,0	
2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng; chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp. - Chủ trì - Tham gia - Không tham gia	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 7: Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục		8,0	
1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác - Xây dựng kế hoạch đầy đủ - Có xây dựng kế hoạch - Không xây dựng kế hoạch	2,0 1,0 0,0	2,0	
2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng - Có thực hiện và đạt hiệu quả - Có thực hiện - Không thực hiện	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học - Vận dụng hiệu quả - Có vận dụng - Không vận dụng	2,0 1,0 0,0	2,0	
4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục - Có đánh giá chính xác - Có đánh giá c - Không đánh giá	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 8: Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập		4,0	



1. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học. - Quản lý tốt - Có quản lý - Không quản lý	2,0 1,0 0,0	2,0	
2. Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác. - Tích cực xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác. - Có xây dựng - Không xây dựng	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 9: Hoạt động xã hội		4,0	
1. Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng đồng viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học; góp phần huy động các nguồn lực xã hội xây dựng, phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. - Phối hợp tốt - Có phối hợp - Không phối hợp	2,0 1,0 0,0	2,0	
2. Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động GDNN với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động GDNN, cộng đồng; xây dựng phong trào học nghề lập nghiệp trong xã hội. - Tích cực tham gia - Có tham gia - Không tham gia	2,0 1,0 0,0	2,0	
TIÊU CHÍ 3: NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC		16,0	
Tiêu chuẩn 1: Học tập, bồi dưỡng nâng cao		8,0	
1. Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa, tổ bộ môn - Tham gia đầy đủ các nội dung - Tham gia nhưng không đầy đủ - Không tham gia	2,0 1,0 0,0	2,0	
2. Tham gia hội giảng các cấp - Có tham gia - Không tham gia	2,0 0,0	2,0	
3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. - Thường xuyên tham gia - Có tham gia - Không tham gia	2,0 1,0 0,0	2,0	
4. Tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp.		2,0	

- Thường xuyên tham gia	2,0		
- Có tham gia	1,0		
- Không tham gia	0,0		
Tiêu chuẩn 2: Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học		4,0	
1. Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp.		2,0	
- Có tham gia	2,0		
- Không tham gia	0,0		
2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên giỏi các cấp.		2,0	
- Có tham gia	2,0		
- Không tham gia	0,0		
Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu khoa học		4,0	
1. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ		2,0	
- Có kiến thức	2,0		
- Không có kiến thức	0,0		
2. Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu khoa học		2,0	
- Hoàn thành từ 50% đến 100% định mức công việc NCKH	2,0		
- Hoàn thành dưới 50% định mức công việc NCKH	1,0		
- Không hoàn thành.	0,0		
Tổng số điểm đánh giá tối đa:			
- Nhà giáo dạy lý thuyết		84	
- Nhà giáo dạy thực hành		84	
- Nhà giáo dạy tích hợp		88	

PHỤ LỤC SỐ 1B. QUY ĐỊNH CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

*(Kèm theo Quyết định 53 /QĐ-CDYT ngày 23 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Hà Đông)*

Họ tên giảng viên:

Bộ môn:

CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ SỐ	Điểm đánh giá	Điểm đánh giá tối đa	Điểm Bộ môn đánh giá
TIÊU CHÍ 1: NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN		16-20	
Tiêu chuẩn 1: Trình độ chuyên môn			
A. Đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết		8,0	
1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy - Có - Không có	2,0 0,0	2,0	
2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ KHKT, Công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là không đạt yêu cầu.	2,0 1,0 0,0	2,0	
B. Đối với nhà giáo giảng dạy thực hành		8,0	
1. Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017. - Có - Không có	2,0 0,0	2,0	
2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá. - Được đánh giá là Trung bình. - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy - Được đánh giá là Tốt, Khá - Được đánh giá Đạt yêu cầu - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	2,0 1,0 0,0	2,0	
4. Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	

- Được đánh giá là Tốt, Khá	2,0		
- Được đánh giá là Đạt yêu cầu	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
C. Đối với nhà giáo giảng dạy tích hợp		12,0	
1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017.		2,0	
- Có	2,0		
- Không có	0,0		
2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	0,0		
3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu.	0,0		
4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ KHKT-CN mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá.	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình.	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
5. Thực hiện thành thạo các kỹ năng ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá	2,0		
- Được đánh giá là Trung bình	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
6. Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ liên quan tới ngành, nghề được phân công giảng dạy		2,0	
- Được đánh giá là Tốt, Khá	2,0		
- Được đánh giá là Đạt yêu cầu	1,0		
- Được đánh giá là Không đạt yêu cầu	0,0		
Tiêu chuẩn 2. Trình độ ngoại ngữ		4,0	
1. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam hoặc tương đương trở lên.		2,0	
- Có chứng chỉ	2,0		
- Không có chứng chỉ	0,0		
2. Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy; mô tả được một số công việc cơ bản của ngành, nghề được phân công giảng dạy .		2,0	
- Có sử dụng	2,0		
- Không sử dụng	0,0		
Tiêu chuẩn 3. Trình độ tin học		4,0	

1. Có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương trở lên. - Có chứng chỉ - Không có chứng chỉ	2,0 0,0	2,0	
2.Sử dụng thành thạo phần mềm dạy học chuyên ngành để thiết kế bài giảng , tài liệu giảng dạy - Sử dụng thành thạo, đạt hiệu quả cao - Có sử dụng - Không sử dụng	2,0 1,0 0,0	2,0	
TIÊU CHÍ 2: NĂNG LỰC SƯ PHẠM		52,0	
Tiêu chuẩn 1. Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy		4,0	
1. Chứng chỉ sư phạm dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm. - Có chứng chỉ - Không có chứng chỉ	2,0 0,0	2,0	
2.Thời gian tham gia giảng ít nhất 12 tháng	2,0	2,0	
Tiêu chuẩn 2. Chuẩn bị hoạt động giảng dạy		12,0	
1. Lập được kế hoạch giảng dạy môn học, mô-đun được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học - Lập kế hoạch đầy đủ - Có lập kế hoạch nhưng chưa đầy đủ - Không lập kế hoạch	2,0 1,0 0,0	2,0	
2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học - Soạn giáo án đầy đủ, đúng quy định - Soạn giáo án nhưng chưa đầy đủ và kịp thời - Soạn giáo án không đúng quy định	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy - Được đánh giá phù hợp từ 75% - 100% - Được đánh giá phù hợp từ 50% - < 75% - Được đánh giá phù hợp <50%	2,0 1,0 0,0	2,0	
4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học - Chuẩn bị đầy đủ - Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ - Không chuẩn bị	2,0 1,0 0,0	2,0	
5. Chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết - Chuẩn bị đầy đủ - Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ - Không chuẩn bị	2,0 1,0 0,0	2,0	
6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với		2,0	

<p>chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp. 2,0 - Tham gia bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp. 1,0 - Không tham gia 0,0 			
Tiêu chuẩn 3. Thực hiện hoạt động giảng dạy		8,0	
<p>1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được đánh giá là Tốt, Khá. 2,0 - Được đánh giá là Trung bình 1,0 - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu 0,0 		2,0	
<p>2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được đánh giá là Tốt, Khá. 2,0 - Được đánh giá là Trung bình 1,0 - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu 0,0 		2,0	
<p>3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được đánh giá là Tốt, Khá. 2,0 - Được đánh giá là Trung bình 1,0 - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu 0,0 		2,0	
<p>4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được đánh giá là Tốt, Khá. 2,0 - Được đánh giá là Trung bình 1,0 - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu 0,0 		2,0	
Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học		4,0	
<p>1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá tốt kết quả học tập của người học 2,0 - Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá ở mức khá, trung bình kết quả học tập của người học 1,0 - Lựa chọn và thiết kế không phù hợp 0,0 		2,0	
<p>2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng được kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được đánh giá là khá, tốt. 2,0 - Được đánh giá là Trung bình 1,0 - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu 0,0 		2,0	
Tiêu chuẩn 5. Quản lý hồ sơ dạy học		4,0	
<p>1. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học.</p>		2,0	

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

- Thực hiện đúng và đầy đủ - Có thực hiện - Không thực hiện	2,0 1,0 0,0		
2. Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định. - Thực hiện đúng và đầy đủ - Có thực hiện - Không thực hiện	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 6. Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy		4,0	
1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo theo các quy định hiện hành. - Đạt yêu cầu - Không đạt yêu cầu	2,0 0,0	2,0	
2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng; chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp. - Chủ trì - Tham gia - Không tham gia	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 7: Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục		8,0	
1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác - Xây dựng kế hoạch đầy đủ - Có xây dựng kế hoạch - Không xây dựng kế hoạch	2,0 1,0 0,0	2,0	
2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng - Có thực hiện và đạt hiệu quả - Có thực hiện - Không thực hiện	2,0 1,0 0,0	2,0	
3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học - Vận dụng hiệu quả - Có vận dụng - Không vận dụng	2,0 1,0 0,0	2,0	
4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục - Có đánh giá chính xác - Có đánh giá c - Không đánh giá	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 8: Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập		4,0	
1. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học. - Quản lý tốt	2,0	2,0	

TH
3/11/2017

- Có quản lý	1,0		
- Không quản lý	0,0		
2. Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác.		2,0	
- Tích cực xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác.	2,0		
- Có xây dựng	1,0		
- Không xây dựng	0,0		
Tiêu chuẩn 9: Hoạt động xã hội		4,0	
1. Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng đồng viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học; góp phần huy động các nguồn lực xã hội xây dựng, phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.		2,0	
- Phối hợp tốt	2,0		
- Có phối hợp	1,0		
- Không phối hợp	0,0		
2. Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động GDNN với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động GDNN, cộng đồng; xây dựng phong trào học nghề lập nghiệp trong xã hội.		2,0	
- Tích cực tham gia	2,0		
- Có tham gia	1,0		
- Không tham gia	0,0		
TIÊU CHÍ 3: NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC		16,0	
Tiêu chuẩn 1: Học tập, bồi dưỡng nâng cao		8,0	
1. Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa, tổ bộ môn		2,0	
- Tham gia đầy đủ các nội dung	2,0		
- Tham gia nhưng không đầy đủ	1,0		
- Không tham gia	0,0		
2. Tham gia hội giảng các cấp		2,0	
- Có tham gia	2,0		
- Không tham gia	0,0		
3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.		2,0	
- Thường xuyên tham gia	2,0		
- Có tham gia	1,0		
- Không tham gia	0,0		
4. Tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp.		2,0	
- Thường xuyên tham gia	2,0		
- Có tham gia	1,0		
- Không tham gia	0,0		

Tiêu chuẩn 2: Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học		4,0	
1. Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp. - Có tham gia - Không tham gia	2,0 0,0	2,0	
2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên giỏi các cấp. - Có tham gia - Không tham gia	2,0 0,0	2,0	
Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu khoa học		4,0	
1. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ - Có kiến thức - Không có kiến thức	2,0 0,0	2,0	
2. Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu khoa học - Hoàn thành từ 50% đến 100% định mức công việc NCKH - Hoàn thành dưới 50% định mức công việc NCKH - Không hoàn thành.	2,0 1,0 0,0	2,0	
Tổng số điểm đánh giá tối đa: - Nhà giáo dạy lý thuyết - Nhà giáo dạy thực hành - Nhà giáo dạy tích hợp		84 84 88	

Mẫu số 02

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG
BỘ MÔN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI
CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO CỦA BỘ MÔN NĂM HỌC 2019 - 2020**

TT	Họ và tên nhà giáo	Cấp trình độ giảng dạy (TC, CĐ)	Nhiệm vụ giảng dạy (LT, ThH, TH)	Tự đánh giá, xếp loại của nhà giáo		Đánh giá, xếp loại của bộ môn		Ghi chú
				Điểm quy đổi	Xếp loại	Điểm quy đổi	Xếp loại	

* Ghi chú:

- Nhiệm vụ giảng dạy: LT – Dạy lý thuyết; ThH – Dạy thực hành; TH – Dạy tích hợp
- Nhà giáo đạt chuẩn loại A, loại B, loại C (ghi xếp loại tương ứng là A, B, C). Nhà giáo không đạt chuẩn (ghi xếp loại là KĐ)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 03

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI
CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO NĂM HỌC 2019 - 2020

TT	Họ và tên nhà giáo	Cấp trình độ giảng dạy (SC, TC, CD)	Nhiệm vụ giảng dạy (LT, ThH, TH)	Kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo			Ghi chú
				Tự đánh giá, xếp loại nhà giáo	Đánh giá, xếp loại nhà giáo của bộ môn	Đánh giá, xếp loại nhà giáo của Hiệu trưởng	

* Ghi chú:

- Nhiệm vụ giảng dạy: LT – Dạy lý thuyết; ThH – Dạy thực hành; TH – Dạy tích hợp

- Nhà giáo đạt chuẩn loại A, loại B, loại C (ghi xếp loại tương ứng là A, B, C). Nhà giáo không đạt chuẩn (ghi xếp loại là KĐ)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

THÀNH AN BÀN

Hà Nội, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-CĐYT ngày...../...../.....
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Hà Đông
về việc báo cáo xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ)

TT	Họ và tên nhà giáo	Đạt chuẩn									Chưa đạt chuẩn					
		Tổng số	Dạy lý thuyết			Dạy thực hành			Dạy tích hợp			Tổng số	Dạy lý thuyết (x)	Dạy thực hành (x)	Dạy tích hợp (x)	
			A (x)	B (x)	C (x)	A (x)	B (x)	C (x)	A (x)	B (x)	C (x)					
I	Dạy trình độ cao đẳng															
1																
2																
3																
...																
II	Dạy trình độ trung cấp															
1																
2																
3																
....																
	Tổng cộng															

DẤU CHỮ KÝ